



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Tổng Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT

ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436

ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 14 tháng 5 năm 2026. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Tân
Ông Vũ Ngọc Tuấn
Ông Nguyễn Văn Miêng
Ông Nguyễn Xuân Vũ
Bà Nguyễn Thị Khánh
Ông Nguyễn Xuân Bình
Ông Phạm Xuân Trinh
Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 22/4/2026)
Thành viên (đến ngày 22/4/2026)
Thành viên (đến ngày 22/4/2026)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Ngọc Tuấn
Ông Nguyễn Xuân Vũ
Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Bà Nguyễn Thị Khánh
Ông Nguyễn Xuân Bình
Ông Phạm Ngọc Kỳ
Bà Bùi Minh Hạnh
Bà Trần Thị Thùy Linh
Bà Trần Thu Huyền
Ông Phạm Ngọc Kỳ
Ông Vũ Ngọc Tú

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/4/2026)
Giám đốc Điều hành
Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/4/2026)
Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/4/2026)
Giám đốc Điều hành (đến ngày 31/3/2026)
Giám đốc Vận hành

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng
Ông Đoàn Văn Dũng
Bà Nguyễn Thị Huê
Bà Phạm Thị Vân Hà

Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 22/4/2026)

Trụ sở đăng ký

43 Tô Hiệu, Phường Nam Định
Tỉnh Ninh Bình
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 68 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Các điều kiện và sự kiện liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con được thuyết minh đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Ninh Bình, ngày 28 tháng 8 năm 2026



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) và các công ty con, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 68.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-02-00240-26-2



Trương Vinh Phúc

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **28-08-2026**

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2023-007-1

Wol

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		410.356.171.348	439.262.753.258
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	10	18.396.173.089	26.366.314.060
Tiền	111		18.396.173.089	24.366.314.060
Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.973.463.837	26.777.766.569
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	11(a)	13.973.463.837	26.777.766.569
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		189.536.019.607	178.078.305.405
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	12	182.914.711.176	177.950.664.264
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.400.667.614	3.834.958.730
Phải thu ngắn hạn khác	135	13(a)	6.555.382.277	3.667.819.153
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	14	(7.334.741.460)	(7.375.136.742)
Hàng tồn kho	140	15	181.501.519.958	197.627.097.531
Hàng tồn kho	141		181.686.615.183	197.812.192.756
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(185.095.225)	(185.095.225)
Tài sản ngắn hạn khác	160		6.948.994.857	10.413.269.693
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	20(a)	2.758.564.396	3.609.227.297
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		4.062.600.929	6.741.775.116
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	22	127.829.532	62.267.280

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 270)	200		486.554.457.897	506.307.850.894
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.786.621.857	3.943.441.949
Phải thu dài hạn khác	215	13(b)	6.986.621.857	7.143.441.949
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216	14	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
Tài sản cố định	220		396.343.360.146	421.197.340.372
Tài sản cố định hữu hình	221	16	382.180.863.927	406.226.838.720
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>1.191.475.526.999</i>	<i>1.187.671.318.151</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(809.294.663.072)</i>	<i>(781.444.479.431)</i>
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	17	13.278.978.907	14.011.107.145
<i>Nguyên giá</i>	225		<i>19.785.906.253</i>	<i>19.785.906.253</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		<i>(6.506.927.346)</i>	<i>(5.774.799.108)</i>
Tài sản cố định vô hình	227		883.517.312	959.394.507
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>1.847.544.000</i>	<i>1.847.544.000</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(964.026.688)</i>	<i>(888.149.493)</i>
Bất động sản đầu tư	240	18	4.259.999.410	4.525.437.274
<i>Nguyên giá</i>	241		<i>17.955.138.931</i>	<i>17.955.138.931</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		<i>(13.695.139.521)</i>	<i>(13.429.701.657)</i>
Tài sản dở dang dài hạn	250		18.702.350.035	19.549.900.011
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	19	18.702.350.035	19.549.900.011
Đầu tư tài chính dài hạn	260		48.479.541.180	43.513.943.843
Đầu tư vào các công ty liên kết	262	11(b)	47.083.659.293	42.118.061.956
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	11(b)	1.395.881.887	1.395.881.887
Tài sản dài hạn khác	270		14.982.585.269	13.577.787.445
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	20(b)	14.784.866.314	13.261.480.492
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		197.718.955	316.306.953
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		896.910.629.245	945.570.604.152

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		824.261.608.242	890.761.280.835
Nợ ngắn hạn	310		616.750.891.694	666.729.876.181
Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	230.803.415.935	188.189.761.905
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.427.984.028	2.892.744.440
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		1.476.005.250	2.377.905.250
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	22	4.014.286.700	1.366.232.401
Phải trả người lao động	315		14.550.209.516	8.311.724.869
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	23	3.869.597.232	5.407.669.015
Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		838.262.619	1.350.742.442
Phải trả ngắn hạn khác	320	24	3.450.249.805	1.445.188.512
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	25(a)	353.038.029.951	455.160.628.419
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	26	282.850.658	227.278.928
Nợ dài hạn	330		207.510.716.548	224.031.404.654
Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		7.611.021.449	7.611.021.449
Phải trả dài hạn khác	338		460.233.822	559.833.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	25(b)	199.439.461.277	215.860.549.383

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	27	72.649.021.003	54.809.323.317
Vốn cổ phần	411	28	156.399.760.000	156.399.760.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		156.399.760.000	156.399.760.000
Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(12.175.488)	(12.175.488)
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	96.747.152.136	96.646.009.408
Lỗi lũy kế	420		(188.027.311.014)	(205.726.299.995)
- Lỗi lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(205.932.758.992)	(200.960.617.093)
- LNST/(lỗi) kỳ này/năm nay	420b		17.905.447.978	(4.765.682.902)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7.541.595.369	7.502.029.392
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		896.910.629.245	945.570.604.152

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Tình
Phó phòng Tài chính Kế toán

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thu Hường
Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Vũ Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	636.513.901.774	567.735.343.808
Giá vốn hàng bán	11	32	583.606.684.264	533.176.432.540
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 01 - 11)	20		52.907.217.510	34.558.911.268
Doanh thu hoạt động tài chính	22	33	4.471.317.115	8.185.588.663
Chi phí tài chính	23	34	20.889.766.158	34.594.468.132
<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	<i>24</i>		<i>19.328.225.735</i>	<i>22.690.528.559</i>
Chi phí bán hàng	25	35	6.766.608.902	6.341.565.821
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	16.467.990.658	17.361.825.715
Phần lãi trong công ty liên kết	27		4.965.597.337	2.945.406.784
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 22 - 23 - 25 - 26 + 27)	30		18.219.766.244	(12.607.952.953)
Thu nhập khác	31		81.837.486	169.995.234
Chi phí khác	32		7.390.238	20.682.552
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		74.447.248	149.312.682
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		18.294.213.492	(12.458.640.271)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	154.785.078	231.842.203
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	38	118.587.998	151.588.233
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		18.020.840.416	(12.842.070.707)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

			Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		18.020.840.416	(12.842.070.707)
Phân bổ:				
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		17.905.447.978	(13.168.027.558)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		115.392.438	325.956.851
Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu				
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	39	1.145	(849)

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Tình
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thu Hương
 Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Vũ Ngọc Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026	30/6/2025
			VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		18.294.213.492	(12.458.640.271)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		28.923.626.938	30.288.549.479
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03		(40.395.282)	(7.309.568.238)
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	04		(70.220.301)	8.232.225.235
Chi phí đi vay	05		(5.412.433.596)	(3.921.635.422)
	06		19.328.225.735	22.690.528.559
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		61.023.016.986	37.521.459.342
Tăng các khoản phải thu	09		(8.967.778.479)	(17.837.352.810)
Giảm, (tăng) hàng tồn kho	10		16.125.577.573	(62.161.106.605)
Tăng các khoản phải trả	11		51.248.623.390	115.247.571.439
Tăng chi phí chờ phân bổ	12		(672.722.921)	(2.124.775.752)
			118.756.716.549	70.645.795.614
Chi phí đi vay đã trả	14		(18.225.957.250)	(19.658.137.967)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(320.865.592)	(311.669.931)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(125.571.000)	(185.425.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		100.084.322.707	50.490.562.716

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	Mã	30/6/2026	30/6/2025
	Thuyết	VND	VND
	số		
	minh		
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.338.344.601)	(3.977.247.458)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	18.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.683.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	15.435.728.457	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	734.754.409	6.785.301.606
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	11.149.138.265	2.826.054.148

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2026	30/6/2025
		VND	VND
Mã số	Thuyết minh		
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	460.631.709.357	501.206.991.528
Tiền trả nợ gốc vay	34	(577.061.860.547)	(570.104.427.370)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.843.660.521)	(1.841.319.012)
Cổ tức đã trả	36	(901.900.000)	(387.166.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(119.175.711.711)	(71.125.920.854)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(7.942.250.739)	(17.809.303.990)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	26.366.314.060	29.525.501.514
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(27.890.232)	1.270.556
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	18.396.173.089	11.717.468.080

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập



Nguyễn Thị Tình
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thu Hương
 Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật




Vũ Ngọc Tuấn
 Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán xơ, sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; và
- Kinh doanh máy tính và thiết bị văn phòng, phần mềm máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy tính và thiết bị văn phòng khác bao gồm dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và làm đại lý bưu chính viễn thông.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tổng Công ty có 4 công ty con và 3 công ty liên kết (1/1/2026: 4 công ty con và 3 công ty liên kết), được liệt kê như sau:

STT	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết		
		30/6/2026	1/1/2026	
Công ty con				
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	Sản xuất và mua bán bông, xơ, vải, sợi, quần áo, vật tư và nguyên phụ liệu ngành dệt may.	52,52%	52,52%
2	Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	Sản xuất, mua bán chăn, vải, sợi, len, sản phẩm từ sợi len và quần áo may sẵn.	100%	100%
3	Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh các loại khăn, quần áo, vải và sợi.	62,58%	62,58%
4	Công ty TNHH MTV May 2 - Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	100%	100%
Công ty liên kết				
1	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu hoặc đi thuê.	36,92%	36,92%
2	Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	Sản xuất sợi, vải dệt thoi, vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.	45,97%	45,97%
3	Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	26,00%	26,00%

Các công ty con và các công ty liên kết của Tổng Công ty đều được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tổng Công ty và các công ty con có 904 nhân viên (1/1/2026: 917 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 206.395 triệu VND (1/1/2026: 227.467 triệu VND). Hơn nữa, Tổng Công ty và các công ty con có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 25(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này chủ yếu phụ thuộc vào việc Công ty mẹ của Tổng Công ty tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty và các công ty con có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tổng Công ty và các công ty con trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng Công ty mẹ sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC (“Thông tư 43”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 43 có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Tổng Công ty và các công ty con đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 và Thông tư 43 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Tổng Công ty và các công ty con và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính hợp nhất, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4(b));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(d)(i));
- Các khoản phải thu (Thuyết minh số 4(e));
- Phải trả cổ tức, lợi nhuận (Thuyết minh số 4(m));

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Ngoại trừ các thay đổi do áp dụng Thông tư 99 được trình bày tại Thuyết minh 3, các chính sách kế toán chủ yếu được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty.

Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tổng Công ty dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và phải thu về cho vay. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn được bao gồm trong khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác”.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn được bao gồm trong khoản mục “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”.

Do sự thay đổi trong chính sách kế toán, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại như đã nêu tại Thuyết minh 42.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng bị mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng tổn thất đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ phù hợp theo mức công suất bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 63 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 30 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 15 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

- nhà cửa 5 – 50 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định pháp luật hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(ii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(m) Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Các khoản phải trả cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận tại thời điểm Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty thông qua việc phân phối cổ tức cho cổ đông và nghĩa vụ chi trả của Tổng Công ty trở nên vô điều kiện.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu, giảm giá hàng bán.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi không được ghi nhận đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trích lập dự phòng tổn thất do không có khả năng thu hồi.

(q) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty và các công ty con, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình thuê tài chính và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tổng Công ty và các công ty con sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 4(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(r) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Trong kỳ, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tổng Công ty được lập theo lĩnh vực kinh doanh và mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Tổng Công ty được lập theo khu vực địa lý.

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ trên việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ. Ban Giám đốc đánh giá hoạt động kinh doanh phát sinh trên 10% tổng doanh thu hợp nhất là một bộ phận cần được báo cáo.

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ trên vị trí của khách hàng. Ban Giám đốc đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu hợp nhất là một bộ phận cần được báo cáo.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con trong kỳ/năm trước.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

7. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

9. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh như sau:

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Loại trừ Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	49.116.443	499.256.214	38.644.718	49.496.527	-	636.513.902
Doanh thu giữa các bộ phận	-	6.409.125	6.054.049	13.379.787	(25.842.961)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	49.116.443	505.665.339	44.698.767	62.876.314	(25.842.961)	636.513.902
Kết quả kinh doanh của bộ phận	2.120.658	35.841.890	4.541.100	10.403.570	-	52.907.218
Chi phí không phân bổ						(23.234.600)
Doanh thu tài chính						4.471.317
Chi phí tài chính						(20.889.766)
Phần lãi trong công ty liên kết						4.965.597
Kết quả hoạt động khác						74.447
Chi phí thuế TNDN						(273.373)
Lợi nhuận sau thuế TNDN						18.020.840

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Vài Nghìn VND	Sơ Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Loại trừ Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	48.478.184	415.375.216	72.893.862	30.988.082	-	567.735.344
Doanh thu giữa các bộ phận	-	6.435.057	21.036.475	13.474.767	(40.946.299)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	48.478.184	421.810.273	93.930.337	44.462.849	(40.946.299)	567.735.344
Kết quả kinh doanh của bộ phận	2.202.820	2.729.793	20.594.980	9.031.318	-	34.558.911
Chi phí không phân bổ						(23.703.392)
Doanh thu tài chính						8.185.589
Chi phí tài chính						(34.594.468)
Phần lãi trong công ty liên kết						2.945.407
Kết quả hoạt động khác						149.312
Chi phí thuế TNDN						(383.430)
Lỗ sau thuế TNDN						(12.842.071)



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Tài sản của bộ phận	31.339.186	278.257.845	24.596.866	30.288.260	364.482.157
Khoản đầu tư vào công ty liên kết					47.083.659
Tài sản không phân bổ					485.344.813
Tổng tài sản					896.910.629
Tổng nợ phải trả					824.261.608

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Tài sản của bộ phận	35.227.291	259.382.853	44.101.261	33.326.179	372.037.584
Khoản đầu tư vào công ty liên kết					42.118.062
Tài sản không phân bổ					531.414.958
Tổng tài sản					945.570.604
Tổng nợ phải trả					890.761.281



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Chi tiêu vốn của bộ phận	173.398	1.785.170	157.802	221.975	2.338.345
Chi tiêu vốn không phân bổ					-
Khấu hao tài sản cố định	1.973.740	20.320.111	1.796.215	2.792.116	26.882.182
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ					2.041.445

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Chi tiêu vốn của bộ phận	290.881	2.530.971	563.606	266.789	3.652.247
Chi tiêu vốn không phân bổ					325.000
Khấu hao tài sản cố định	2.210.451	19.233.210	4.282.925	2.416.500	28.143.086
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ					2.145.463



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Việt Nam;
- Trung Quốc; và
- Các vùng địa lý khác

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày				
Doanh thu thuần của bộ phận	471.545.096	108.079.624	56.889.182	636.513.902
Tài sản của bộ phận				896.910.629
- Tài sản của bộ phận phân bổ	140.990.296	32.315.420	17.009.663	190.315.379
- Giá trị còn lại tài sản không phân bổ				706.595.250

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày				
Doanh thu thuần của bộ phận	438.863.726	36.735.937	92.135.681	567.735.344
Tài sản của bộ phận				976.387.566
- Tài sản của bộ phận phân bổ	138.729.256	11.430.604	28.945.276	179.105.136
- Giá trị còn lại tài sản không phân bổ				797.282.430

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

10. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền mặt	482.932.742	1.192.098.828
Tiền gửi ngân hàng (*)	17.913.240.347	23.174.215.232
Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000.000
	18.396.173.089	26.366.314.060

(*) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	14.574.614.448	14.882.261.194
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.152.030.532	48.681.893
Ngân hàng TMCP Quân đội	761.964.950	3.645.157.306
Các ngân hàng khác	1.424.630.417	4.598.114.839
	17.913.240.347	23.174.215.232

11. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc/Giá trị phân bổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc/Giá trị phân bổ VND (Phân loại lại)	Giá trị có thể thu hồi VND (Phân loại lại) Dự phòng VND (Phân loại lại)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	13.773.463.837	13.773.463.837	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	9.660.187.946	9.660.187.946	-	-
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	4.113.275.891	4.113.275.891	-	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	-	-
▪ Trái phiếu	200.000.000	200.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	200.000.000	200.000.000	-	-
	13.973.463.837	13.973.463.837	-	-

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán, với lãi suất năm từ 4,2% đến 5,1% (1/1/2026: từ 4,2% đến 5,2%).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết và đơn vị khác

	30/6/2026						1/1/2026						
	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Công ty liên kết													
	• Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	Ninh Bình, Việt Nam	2.532.584	36,92%	36,92%	29.068.498.784 (*)	-	2.532.584	36,92%	36,92%	24.931.125.627 (*)	-	
	• Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	Ninh Bình, Việt Nam	1.379.100	45,97%	45,97%	15.111.951.763 (*)	-	1.379.100	45,97%	45,97%	14.410.231.315 (*)	-	
• Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	Ninh Bình, Việt Nam	195.000	26,00%	26,00%	2.903.208.746 (*)	-	195.000	26,00%	26,00%	2.776.705.014 (*)	-	-	
						47.083.659.293	-						42.118.061.956
Đơn vị khác													
	• Công ty Cổ phần May 1 - Dệt Nam Định	Ninh Bình, Việt Nam	75.000	10,00%	10,00%	845.881.887 (*)	-	75.000	10,00%	10,00%	845.881.887 (*)	-	
	• Công ty Cổ phần May 5 - Dệt May Nam Định	Ninh Bình, Việt Nam	55.000	10,00%	10,00%	550.000.000 (*)	-	55.000	10,00%	10,00%	550.000.000 (*)	-	
						1.395.881.887	-						1.395.881.887

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	42.118.061.956	42.174.817.724
Phần lãi trong các công ty liên kết	4.965.597.337	2.945.406.784
Cổ tức được chia	-	(865.050.000)
Số dư cuối kỳ	47.083.659.293	44.255.174.508

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan				
<i>Công ty liên kết</i>				
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	50.713.578.679	-	61.818.324.620	-
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	288.738.646	-	110.402.711	-
<i>Các bên liên quan khác</i>				
Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex	325.561.518	-	763.478.656	-
Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex	325.405.356	-	122.571.986	-
<i>Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt</i>				
Công ty Cổ phần May 1 - Dệt Nam Định	197.586.940	-	-	-
Các bên khác				
Công ty TNHH Samil Vina	18.083.530.718	-	-	-
Xiamen C&D Merchandise Co., Ltd.	10.603.814.458	-	-	-
Công ty TNHH Dệt May Huy Gia Bảo	10.396.737.979	-	17.497.188.099	-
Công ty TNHH Dệt May Châu Giang	9.740.898.296	-	657.464.339	-
Công ty TNHH Dệt Mỹ Hoa	9.231.668.186	-	-	-
Công ty TNHH Dệt May Phú Cường	544.345.483	-	15.634.119.331	-
OW Textiles Co., Ltd.	-	-	12.080.379.571	-
Các khách hàng khác	72.462.844.917	(7.334.741.460)	69.266.734.951	(7.375.136.742)
	182.914.711.176	(7.334.741.460)	177.950.664.264	(7.375.136.742)

Các khoản phải thu thương mại từ các công ty liên kết không có tài sản đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm trả với lãi suất là 9,05%/năm (1/1/2026: 7,91%/năm) khi quá hạn.

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan khác không có tài sản đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và không tính lãi chậm trả.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

13. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	244.907.000	-	152.907.000	-
Cố tức phải thu công ty liên kết và đơn vị khác	1.204.636.125	-	1.440.780.000	-
Tạm ứng	881.159.291	-	-	-
Phải thu khác	4.224.679.861	-	2.074.132.153	-
	6.555.382.277	-	3.667.819.153	-

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	69.120.000	17.280.000
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	2.088.026.325	1.103.280.000
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	1.177.420	103.382.546
	2.158.323.745	1.223.942.546

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ký quỹ, ký cược	3.278.379.000	-	3.278.379.000	-
Phải thu về thanh lý tài sản cố định (*)	3.200.000.000	(3.200.000.000)	3.200.000.000	(3.200.000.000)
Phải thu dài hạn khác	508.242.857	-	665.062.949	-
	6.986.621.857	(3.200.000.000)	7.143.441.949	(3.200.000.000)

(*) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Kinh Bắc Thành Nam liên quan đến việc bán Nhà máy may Bình Minh từ năm 2016. Do vướng mắc trong các thủ tục hành chính liên quan đến việc chuyển nhượng cho đối tác, cho đến nay Tổng Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản phải thu nói trên. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026, toàn bộ khoản phải thu này đã được trích dự phòng (Thuyết minh 14).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

14. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số ngày quá hạn	30/6/2026				1/1/2026			
		Giá trị gốc nợ		Dự phòng		Giá trị gốc nợ		Dự phòng	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thành Vin	Trên 7 năm	4.914.999.999	(4.914.999.999)	-	Trên 6 năm	4.914.999.999	(4.914.999.999)	-	-
Công ty Cổ phần Kinh Bắc Thành Nam	Trên 8 năm Từ 1 - 2 năm	3.200.000.000	(3.200.000.000)	-	Trên 7 năm	3.200.000.000	(3.200.000.000)	-	-
Các đối tượng khác	Từ 2 - 3 năm	7.760.100	(2.328.030)	5.432.070	Dưới 1 năm	7.760.100	(2.328.030)	5.432.070	5.432.070
Các đối tượng khác	Từ 2 - 3 năm	82.706.360	(57.894.452)	24.811.908	Từ 2 - 3 năm	82.706.360	(57.894.452)	24.811.908	24.811.908
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	2.359.518.979	(2.359.518.979)	-	Trên 3 năm	2.399.914.261	(2.399.914.261)	-	-
		10.564.985.438	(10.534.741.460)	30.243.978		10.605.380.720	(10.575.136.742)	30.243.978	
Trong đó:									
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.334.741.460)			(7.375.136.742)				
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(3.200.000.000)			(3.200.000.000)				

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

15. Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	25.985.414.333	-	-	-
Nguyên vật liệu	83.454.836.518	-	80.991.493.841	-
Công cụ và dụng cụ	17.297.503	-	37.191.359	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.754.248.910	-	14.993.114.574	-
Sản phẩm	53.857.791.350	(185.095.225)	81.861.734.177	(185.095.225)
Hàng hóa	4.617.026.569	-	14.022.581.621	-
Hàng gửi bán	-	-	5.906.077.184	-
	181.686.615.183	(185.095.225)	197.812.192.756	(185.095.225)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	321.963.270.960	809.533.456.000	52.662.741.469	3.511.849.722	1.187.671.318.151
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.704.208.848	100.000.000	-	-	3.804.208.848
Số dư cuối kỳ	325.667.479.808	809.633.456.000	52.662.741.469	3.511.849.722	1.191.475.526.999
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	160.834.685.311	577.456.114.992	40.373.258.040	2.780.421.088	781.444.479.431
Khấu hao trong kỳ	6.141.289.609	19.743.326.394	1.830.168.359	135.399.279	27.850.183.641
Số dư cuối kỳ	166.975.974.920	597.199.441.386	42.203.426.399	2.915.820.367	809.294.663.072
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	161.128.585.649	232.077.341.008	12.289.483.429	731.428.634	406.226.838.720
Số dư cuối kỳ	158.691.504.888	212.434.014.614	10.459.315.070	596.029.355	382.180.863.927

13/06/2026

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 229.530 triệu VND (1/1/2026: 215.427 triệu VND) đã khấu hao hết và đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 163.286 triệu VND (1/1/2026: 360.080 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 25).

17. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	19.785.906.253
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	5.774.799.108
Khấu hao trong kỳ	732.128.238
Số dư cuối kỳ	6.506.927.346
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	14.011.107.145
Số dư cuối kỳ	13.278.978.907

Các tài sản cố định hữu hình thuê tài chính chủ yếu đang được sử dụng:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Máy con Lakshmi	11.371.436.851	11.371.436.851
Máy thí nghiệm Uster AFIS PRO 2	4.728.603.704	4.728.603.704
	16.100.040.555	16.100.040.555

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

18. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	17.955.138.931
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	13.429.701.657
Khấu hao trong kỳ	265.437.864
Số dư cuối kỳ	13.695.139.521
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	4.525.437.274
Số dư cuối kỳ	4.259.999.410

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Ki-ốt cho thuê tại Số 43, Phố Tô Hiệu, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam;
- Nhà khách Dệt tại Số 64, Phố Nguyễn Hiền, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam; và
- Ki-ốt cho thuê tại Số 94, Phố Nguyễn Văn Trỗi, Phường Nam Định, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	19.549.900.011	18.166.093.664
Tăng trong kỳ	4.413.146.206	2.640.471.218
Chuyển từ chi phí chờ phân bổ dài hạn	-	734.955.742
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	(116.459.883)	-
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ dài hạn	(1.340.027.451)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.804.208.848)	(325.000.000)
Số dư cuối kỳ	18.702.350.035	21.216.520.624

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
San nền và giải phóng mặt bằng tại Khu Công nghiệp Hòa Xá (*)	12.840.234.565	12.840.234.565
Dự án Nhà máy May Yên Bình (**)	5.013.367.135	5.013.367.135
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	492.748.335	1.340.298.311
Các công trình khác	356.000.000	356.000.000
	18.702.350.035	19.549.900.011

(*) Đây là chi phí thực hiện san nền và giải phóng mặt bằng lô đất số S1, S2 và một phần lô S3, S4, S5, S7 ở Khu Công nghiệp Hòa Xá, Phường Thành Nam, Tỉnh Ninh Bình. Theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Bình, Tổng Công ty phải thực hiện di dời đến Khu Công nghiệp Hòa Xá. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty đang làm việc với Công ty mẹ về phương án di dời và Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Bình đã có Công văn đề nghị các bên liên quan phối hợp, tạo điều kiện cho Tổng Công ty thực hiện di dời đến Khu Công nghiệp Hòa Xá.

(**) Đây là chi phí xây dựng Nhà máy May Yên Bình tại Xã Vũ Dương, Tỉnh Ninh Bình. Hiện nay, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Bình đã ban hành quyết định thu hồi khu đất và giao cho Ủy ban Nhân dân Xã Vũ Dương thực hiện đấu giá khu đất và tài sản gắn liền trên đất. Tổng Công ty sẽ nhận được một phần khoản tiền thu được từ việc bán đấu giá này khi việc bán đấu giá được hoàn tất. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ủy ban Nhân dân Xã Vũ Dương đang trong quá trình thực hiện việc đấu giá tài sản này theo quy định của pháp luật.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí chờ phân bổ

(a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	1.749.249.672	2.264.167.255
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	1.009.314.724	1.345.060.042
	2.758.564.396	3.609.227.297

(b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Công cụ và dụng cụ	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	13.021.303.168	240.177.324	13.261.480.492
Tăng trong kỳ	4.195.462.464	-	4.195.462.464
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	1.340.027.451	-	1.340.027.451
Phân bổ trong kỳ	(3.976.170.765)	(35.933.328)	(4.012.104.093)
Số dư cuối kỳ	14.580.622.318	204.243.996	14.784.866.314

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

21. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn và bên liên quan

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty mẹ</i>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	186.846.708.038	138.509.283.107
Các bên khác		
Công ty TNHH Hóa phẩm Thịnh Phát	11.923.301.277	7.800.210.400
Các nhà cung cấp khác	32.033.406.620	41.880.268.398
	230.803.415.935	188.189.761.905

Các khoản phải trả thương mại đối với Công ty mẹ không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

22. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2026		30/6/2026			
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	407.202.990	24.109.934.726	(21.364.979.707)	-	3.152.158.009
Thuế nhập khẩu	-	-	122.074.228	(122.074.228)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.267.280	905.382.801	154.785.078	(320.865.592)	62.267.280	739.302.287
Thuế thu nhập cá nhân	-	40.096.788	172.893.008	(172.535.835)	-	40.453.961
Thuế tài nguyên	-	13.549.822	68.673.990	(69.241.570)	-	12.982.242
Tiền thuế đất	-	-	6.906.151.387	(6.971.713.639)	65.562.252	-
Các loại thuế khác	-	-	79.827.683	(10.437.482)	-	69.390.201
	62.267.280	1.366.232.401	31.614.340.100	(29.031.848.053)	127.829.532	4.014.286.700

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí điện, nước phải trả	2.117.745.155	3.387.974.835
Chi phí lãi vay	1.383.374.398	1.692.485.965
Chi phí khác	368.477.679	327.208.215
	3.869.597.232	5.407.669.015

24. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	634.463.460	388.312.854
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam	2.378.703.553	967.323.501
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	437.082.792	89.552.157
	3.450.249.805	1.445.188.512

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

25. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2026		Biến động trong kỳ		30/6/2026	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	417.716.399.755	461.620.709.357	(535.529.805.901)	187.584.868	343.994.888.079	
Vay dài hạn đến hạn trả	33.926.727.628	13.955.260.736	(42.131.054.646)	(17.149.599)	5.733.784.119	
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả	3.517.501.036	1.635.633.749	(1.843.660.521)	(116.511)	3.309.357.753	
	455.160.628.419	477.211.603.842	(579.504.521.068)	170.318.758	353.038.029.951	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Các bên liên quan				
Vay thành viên				
Ban Giám đốc	VND	-	-	1.350.000.000
Vay bên liên quan khác	VND	7,20% – 8,40%	3.460.000.000	8.118.700.000
Các bên khác				
Vay ngân hàng 1	USD	4,45% – 4,85%	134.681.652.162	108.056.498.607
Vay ngân hàng 2	VND	7,30% – 7,80%	64.397.685.056	69.016.503.716
Vay ngân hàng 3	VND	7,00% – 8,50%	52.821.132.705	54.871.849.553
Vay ngân hàng 4	VND	7,05% – 9,05%	51.200.934.156	92.263.455.298
Vay ngân hàng 5	VND	-	-	49.992.508.581
Vay ngân hàng 6	VND	7,70% – 8,50%	16.780.000.000	6.750.000.000
Vay nhân viên	VND	4,80% – 8,40%	20.653.484.000	27.296.884.000
			343.994.888.079	417.716.399.755

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 62.285 triệu VND (1/1/2026: 84.315 triệu VND) (Thuyết minh 16).

Các khoản vay khác không có tài sản đảm bảo.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Vay dài hạn (i)	202.478.754.436	245.455.005.186
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	6.003.848.713	7.849.772.861
	208.482.603.149	253.304.778.047
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(9.043.141.872)	(37.444.228.664)
	199.439.461.277	215.860.549.383

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Các bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	7,0%	2027	64.999.388.608	64.999.388.608
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	SOFR + 0,7%	2036	132.106.855.828	134.873.576.086
Vay bên liên quan khác (*)	VND	9,60%	2027	3.000.000.000	3.000.000.000
Các bên khác					
Vay từ ngân hàng 7	USD	10,10%	2027	-	30.140.505.441
Vay từ ngân hàng 8	VND	8,0% – 9,40%	2027	-	9.679.025.051
Vay từ ngân hàng 9 (***)	VND	7,0%	2028	2.372.510.000	2.762.510.000
				202.478.754.436	245.455.005.186

(*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Khoản vay này có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 95.814 triệu VND (1/1/2026: 102.351 triệu VND) (Thuyết minh 16).

(***) Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 5.187 triệu VND (1/1/2026: 5.808 triệu VND) (Thuyết minh 16).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

(ii) *Nợ thuê tài chính dài hạn*

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính trong năm VND	Tiền lãi thuê trong năm VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính trong năm VND	Tiền lãi thuê trong năm VND
		Nợ gốc VND		Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	3.679.375.375	370.017.622	3.309.357.753	473.631.746
Trong vòng hai đến năm năm	2.813.667.188	119.176.228	2.694.490.960	299.750.690
	6.493.042.563	489.193.850	6.003.848.713	773.382.436
			8.623.155.297	7.849.772.861

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	227.278.928	202.752.436
Trích lập trong kỳ	181.142.730	196.552.550
Sử dụng trong kỳ	(125.571.000)	(185.425.000)
Số dư cuối kỳ	282.850.658	213.879.986

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	156.399.760.000	(12.175.488)	96.374.351.760	(200.548.151.143)	7.886.117.647	60.099.902.776
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	(13.168.027.558)	325.956.851	(12.842.070.707)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 26)	-	-	-	(112.344.360)	(84.208.190)	(196.552.550)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	170.012.411	(170.012.411)	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	(381.516.000)	(381.516.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	156.399.760.000	(12.175.488)	96.544.364.171	(213.998.535.472)	7.746.350.308	46.679.763.519
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	156.399.760.000	(12.175.488)	96.646.009.408	(205.726.299.995)	7.502.029.392	54.809.323.317
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	17.905.447.978	115.392.438	18.020.840.416
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 26)	-	-	-	(105.316.269)	(75.826.461)	(181.142.730)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	101.142.728	(101.142.728)	-	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	156.399.760.000	(12.175.488)	96.747.152.136	(188.027.311.014)	7.541.595.369	72.649.021.003

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2026 và 1/1/2026	
	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.639.976	156.399.760.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.639.976	156.399.760.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	30/6/2026 và 1/1/2026		
	Số lượng cổ phần	Vốn cổ phần VND	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	8.394.655	83.946.550.000	53,67
Các cổ đông khác	7.245.321	72.453.210.000	46,33
	15.639.976	156.399.760.000	100

29. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

30. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.951.147.000	1.951.147.000
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	7.804.588.000
Sau năm năm	42.274.851.667	43.250.425.167
	<u>52.030.586.667</u>	<u>53.006.160.167</u>

Các tài sản thuê hoạt động bao gồm:

	Thời gian thuê	30/6/2026	1/1/2026
		VND	VND
Quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Hòa Xá	47 năm	52.030.586.667	53.006.160.167
		<u>52.030.586.667</u>	<u>53.006.160.167</u>

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2026		1/1/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	311.111	8.154.326.044	243.040	6.295.965.833
EUR	450	13.476.610	450	13.476.610
		<u>8.167.802.654</u>		<u>6.309.442.443</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty TNHH Kaisui - Dệt May	Dừng hoạt động	2024	38.141.390	38.141.390
Công ty TNHH Xuân Quyết	Dừng hoạt động	2024	39.376.277	39.376.277
Công ty TNHH Thương mại Đức Bốn	Dừng hoạt động	2024	82.768.508	82.768.508
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Dừng hoạt động	2024	2.883.059.365	2.883.059.365
Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu và Thương mại Dịch vụ Xuân Hồng	Dừng hoạt động	2024	135.535.654	135.535.654
Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Hải Linh	Dừng hoạt động	2025	144.477.156	144.477.156
Công ty TNHH Nhà nước MTV Dệt Minh Khai	Dừng hoạt động	2026	30.395.282	-
			3.353.753.632	3.323.358.350



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Bán hàng	557.863.772.275	508.583.099.982
Cung cấp dịch vụ	12.576.062.959	13.056.679.189
Cung cấp dịch vụ gia công	59.595.482.732	42.098.072.174
Cho thuê bất động sản đầu tư	6.478.583.808	3.997.492.463
	636.513.901.774	567.735.343.808

32. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Sản phẩm và hàng hóa đã bán	515.677.069.152	491.155.280.305
Dịch vụ đã cung ứng	15.511.064.097	10.204.958.535
Dịch vụ gia công đã cung ứng	51.011.626.524	38.019.415.308
Bất động sản đầu tư cho thuê	1.406.924.491	1.398.200.891
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(7.601.422.499)
	583.606.684.264	533.176.432.540

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi	400.751.969	964.641.235
Lãi do người mua chậm trả	734.613.001	565.119.940
Cổ tức được chia từ một công ty liên quan	55.000.000	52.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.054.741.615	6.603.327.488
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	226.210.530	-
	4.471.317.115	8.185.588.663

34. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	19.328.225.735	22.690.528.559
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.405.550.194	3.671.714.338
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	155.990.229	8.232.225.235
	20.889.766.158	34.594.468.132

35. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	328.822.876	635.007.634
Chi phí vận chuyển	2.628.431.561	2.428.055.340
Chi phí đại lý bán hàng	2.389.339.012	1.508.025.288
Chi phí bán hàng khác	1.420.015.453	1.770.477.559
	6.766.608.902	6.341.565.821

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	6.932.925.195	6.779.476.541
Dự phòng phải thu khó đòi	(10.000.000)	291.854.261
Chi phí phân bổ trả trước	1.076.788.035	379.263.334
Chi phí khấu hao	853.277.629	805.911.044
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.614.999.799	9.105.320.535
	16.467.990.658	17.361.825.715

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	300.721.022.519	229.078.344.447
Chi phí nhân công	71.075.663.836	57.123.372.890
Chi phí khấu hao và phân bổ	28.923.626.938	30.288.549.479
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.467.219.951	87.241.575.126
Chi phí khác	26.284.057.126	20.169.470.715
	508.471.590.370	423.901.312.657

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

38. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	185.069.393	231.842.203
Dự phòng thừa trong những năm trước	(30.284.315)	-
	154.785.078	231.842.203
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	118.587.998	151.588.233
	273.373.076	383.430.436

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	18.294.213.492	(12.458.640.271)
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	3.658.842.698	(2.491.728.054)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.466.179	3.192.129
Thu nhập không bị tính thuế	(11.000.000)	(10.500.000)
Ảnh hưởng của phần lãi được chia từ các công ty liên kết	(993.119.467)	(589.081.357)
Ảnh hưởng của các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	280.712.389	2.482.462.874
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗ tính thuế	286.488.528	989.084.844
Lỗ tính thuế được sử dụng	(2.950.017.251)	-
	273.373.076	383.430.436

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời	67.711.207.758	13.542.241.552	66.586.636.838	13.317.327.368
Lỗi tính thuế	91.996.732.065	18.399.346.413	105.314.375.679	21.062.875.136
	159.707.939.823	31.941.587.965	171.901.012.517	34.380.202.504

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2028	Chưa quyết toán	57.659.044.376
2029	Chưa quyết toán	32.905.245.050
2031	Chưa quyết toán	1.432.442.639
		91.996.732.065

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Số chi phí lãi vay được khấu trừ trong các năm sau VND
2027	4.980.427.481
2029	47.735.248.127
2030	13.870.961.230
2031	1.124.570.920
	67.711.207.758

Ngoại trừ khoản chi phí lãi vay và lỗi tính thuế sẽ được khấu trừ trong những năm xác định nêu trên, theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty và các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(d) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

39. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được dựa trên số lợi nhuận/(lỗ) thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông của Tổng Công ty, sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của các cổ đông phổ thông của Tổng Công ty	17.905.447.978	(13.168.027.558)
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(112.344.360)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tổng Công ty	17.905.447.978	(13.280.371.918)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	15.639.976	15.639.976
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.145	(849)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.238.197.423	7.904.261.546
Mua hàng hóa và dịch vụ	155.034.817.403	114.399.817.270
Lãi và phí khoản vay cho vay lại từ nguồn vốn vay		
Ngân hàng Phát triển Châu Á	3.665.352.299	4.188.676.220
Chi phí lãi vay	2.229.706.343	2.256.280.143
Hoàn trả gốc vay và lãi vay	2.296.156.586	-
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	84.844.017.598	162.366.417.138
Mua hàng hóa	64.981.780.822	130.983.359.452
Lãi do người mua chậm trả	734.613.001	921.818.949
Thu nhập khác	11.470.000	19.240.000
Cổ tức	-	689.550.000
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.258.517.530	1.125.533.243
Cổ tức	-	175.500.000
Mua hàng hóa	37.285.820	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Cho thuê tài sản	818.460.000	409.230.000
Các bên liên quan khác trong cùng Tập đoàn		
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	375.424.392	7.755.612.270
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương		
Mua máy móc, thiết bị	-	510.477.786
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	135.710.000
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	615.158.961
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	3.081.867.118
Mua máy móc, thiết bị	44.552.173	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
<i>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	175.010.220	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	14.125.000
<i>Chi nhánh Công ty TNHH Coats Phong Phú</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.871.850	29.031.424
<i>Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông – Hanosimex</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	650.952.722	1.633.070.407
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	18.000.000
<i>Công ty Cổ phần Thời trang – Hanosimex</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	966.405.540	1.126.926.691
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.392.940	11.493.720
<i>Công ty TNHH MTV Dệt 8-3</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	19.781.027	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	1.005.575.788
<i>Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng</i>		
Mua hàng hóa	16.704.000	-
<i>Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	367.627.801	-
<i>Công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt</i>		
<i>Công ty Cổ phần May 1 - Dệt Nam Định</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	56.456.000	19.785.024
Mua hàng hóa	167.700.000	132.640.000
Cổ tức	-	52.500.000
<i>Công ty Cổ phần May 5 - Dệt May Nam Định</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	828.940.868	686.499.463
Cổ tức	55.000.000	-
<i>Các cá nhân liên quan</i>		
<i>Bà Bùi Thị Hải</i>		
Nhận tiền vay	60.000.000	-
<i>Ông Vũ Ngọc Tú</i>		
Nhận tiền vay	1.000.000.000	-
Hoàn trả khoản vay	1.350.000.000	-
Chi phí lãi vay đã trả	64.578.082	28.563.288



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
<i>Ông Vũ Mạnh Quân</i>		
Nhận tiền vay	-	1.500.000.000
Hoàn trả khoản vay	5.125.700.000	2.440.000.000
Chi phí lãi vay đã trả	196.433.452	89.430.928
<i>Bà Trần Thị Đào</i>		
Nhận tiền vay	250.000.000	600.000.000
Hoàn trả khoản vay	750.000.000	660.000.000
Chi phí lãi vay đã trả	28.218.082	27.103.687
<i>Bà Trần Thị Gái</i>		
Nhận tiền vay	65.000.000	45.000.000
Hoàn trả khoản vay	45.000.000	20.000.000
Chi phí lãi vay đã trả	2.423.342	1.820.770
<i>Bà Nguyễn Hải Hà</i>		
Nhận tiền vay	140.000.000	140.000.000
Hoàn trả khoản vay	-	130.000.000
Chi phí lãi vay đã trả	-	4.926.530
<i>Bà Hoàng Thị Tuệ</i>		
Nhận tiền vay	-	110.000.000
Hoàn trả khoản vay	-	220.000.000
Chi phí lãi vay đã trả	-	1.440.739
<i>Ông Đoàn Anh Đức</i>		
Nhận tiền vay	80.000.000	-
Hoàn trả khoản vay	30.000.000	-
Chi phí lãi vay đã trả	1.615.562	713.919
<i>Bà Trần Thị Châm</i>		
Nhận tiền vay	30.000.000	-
Hoàn trả khoản vay	190.000.000	-
Chi phí lãi vay đã trả	10.263.452	-



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Phạm Văn Tân – Chủ tịch	60.000.000	42.000.000
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Thành viên	48.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Văn Miêng – Thành viên	48.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Thành viên	48.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Khánh – Thành viên	48.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Xuân Bình – Thành viên (từ ngày 22/4/2026)	16.000.000	-
Ông Phạm Xuân Trinh – Thành viên (đến ngày 22/4/2026)	32.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên (đến ngày 22/4/2026)	32.000.000	30.000.000
Ban Giám đốc		
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc	259.483.492	244.468.332
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Phó Tổng Giám đốc	208.609.387	196.603.705
Ông Phạm Ngọc Kỳ – Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/4/2026)	196.578.219	149.665.309
Bà Bùi Minh Hạnh – Giám đốc Điều hành	185.160.246	174.092.601
Bà Trần Thị Thùy Linh – Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/4/2026)	144.668.870	-
Bà Trần Thu Huyền – Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/4/2026)	87.160.347	-
Ông Vũ Ngọc Tú – Giám đốc Vận hành	184.954.000	-
Ban Kiểm soát		
Bà Trần Thị Thu Hằng – Trưởng Ban	48.000.000	30.000.000
Ông Đoàn Văn Dũng – Thành viên	30.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Huê – Thành viên	10.000.000	-
Bà Phạm Thị Vân Hà – Thành viên (đến ngày 22/4/2026)	20.000.000	18.000.000

41. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi nhập gốc	-	123.728.019

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

42. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đối với số liệu trình bày trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và các thuyết minh liên quan; thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đối với số liệu trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan.

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Tổng Công ty và các công ty con áp dụng Thông tư 99 và thay đổi chính sách kế toán trên cơ sở phi hồi tố đối với các giao dịch bằng ngoại tệ, tài khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài khoản các khoản phải thu, và tài khoản phải trả cổ tức, lợi nhuận. Do vậy, một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

		1/1/2026	1/1/2026
	Mã số	(Phân loại lại)	(Theo báo cáo trước đây)
		VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	26.777.766.569	26.505.728.457
Phải thu ngắn hạn khác	135	3.667.819.153	3.939.857.265
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	2.377.905.250	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	1.445.188.512	3.823.093.762

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập

Nguyễn Thị Tình
Phó phòng Tài chính Kế toán

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Wu Ngoc Tuan
Tổng Giám đốc